

MỘT SỐ VẤN ĐỀ VỀ QUAN HỆ DÂN TỘC XUYÊN BIÊN GIỚI VIỆT NAM - TRUNG QUỐC HIỆN NAY¹

PGS.TS. Nguyễn Văn Minh
Viện Dân tộc học
Email: minhhdth@yahoo.com

Tóm tắt: Vùng biên giới Việt Nam - Trung Quốc (Việt - Trung) là địa bàn sinh sống chủ yếu của nhiều tộc người thuộc các ngôn ngữ khác nhau, có quan hệ lâu dài về nguồn gốc lịch sử, trong đó nhiều dân tộc có đồng tộc và thân tộc cư trú ở dọc hai bên biên giới, dẫn đến việc hình thành và ngày càng gia tăng các mối quan hệ dân tộc xuyên biên giới. Trên cơ sở làm rõ thực trạng quan hệ dân tộc xuyên biên giới Việt - Trung của người dân các tộc người, bài viết cho thấy do mối quan hệ này ngày càng gia tăng nên người dân các tộc người hai bên biên giới có nhiều cơ hội hỗ trợ nhau phát triển sản xuất, trao đổi thương mại, di cư lao động, hôn nhân, giao lưu văn hóa,... Song, phần lớn các trường hợp qua lại biên giới đều vi phạm các quy định pháp luật về quản lý và bảo vệ biên giới của hai nước Việt Nam, Trung Quốc. Do đó, vẫn còn không ít vấn đề đặt ra đối với quan hệ dân tộc xuyên biên giới phía Bắc hiện nay cần giải quyết, đồng thời cần thực hiện những chính sách phù hợp hơn với bối cảnh hiện nay về đổi mới cơ cấu kinh tế, giải quyết việc làm, phát huy các giá trị văn hóa tộc người, đồng thời tăng cường văn hóa quốc gia phục vụ phát triển, đảm bảo an ninh, chính trị và quốc phòng vùng biên giới. Trên cơ sở tổng hợp nguồn tư liệu điền dã tháng 10 - 11 năm 2022 và tháng 3 năm 2023 tại các tỉnh Quảng Ninh, Cao Bằng, Lào Cai và tham khảo các kết quả nghiên cứu khác đã công bố, bài viết trình bày một số khía cạnh về quan hệ tộc người xuyên biên giới Việt - Trung và vấn đề đặt ra hiện nay.

Từ khóa: Quan hệ dân tộc, xuyên biên giới, Việt Nam, Trung Quốc.

Abstract: The Vietnam-China border area constitutes the primary habitation for numerous ethnic groups, each belonging to distinct linguistic factions and sharing enduring historical connections. Many of these groups possess ethnic counterparts and relatives residing on the opposite side of the border, resulting in the establishment and augmentation of cross-border ethnic relationships. By elucidating the present state of ethnic minority relations across the Vietnam-China border, this article illustrates that the burgeoning interconnections offer ample opportunities for mutual assistance in production development, trade exchange, labour migration, marriage, and cultural interchange. However, a significant number of border

¹ Bài viết là kết quả của Đề tài khoa học cấp Bộ “Quan hệ dân tộc với phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm an ninh, chính trị ở vùng biên giới Việt Nam - Trung Quốc hiện nay và định hướng đến năm 2030”, do Văn phòng Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam chủ trì, PGS.TS. Nguyễn Văn Minh làm chủ nhiệm năm 2021 - 2023.

crossings contravene the legal regulations pertaining to border management and safeguarding in both Vietnam and China. Consequently, prevailing issues persist within the extant cross-border ethnic relations in the Northern border, necessitating resolution. Concurrently, it is imperative to implement more pertinent policies in the contemporary economic restructuring landscape, aimed at generating employment, fostering ethnic cultural values, fortifying national culture for advancement, and ensuring political security and territorial defence in border regions. Drawing upon synthesised field data from October to November 2022 and March 2023 in the provinces of Quang Ninh, Cao Bang, and Lao Cai, and referencing other published research findings, the article delineates various facets and current quandaries of Vietnam-China cross-border ethnic relations.

Keywords: Ethnic relations, cross-border, Vietnam, China.

Ngày nhận bài: 8/6/2023; ngày gửi phản biện: 3/7/2023; ngày duyệt đăng: 19/8/2023.

1. Quan hệ về kinh tế

Khảo sát thực địa năm 2022 - 2023 cho thấy, người dân hai bên biên giới hỗ trợ lẫn nhau trong kinh tế nông nghiệp, bao gồm việc trao đổi các cây/con giống mới, có sự trao đổi kinh nghiệm, kỹ thuật sản xuất, hỗ trợ bao tiêu sản phẩm,... Người Lô Lô ở biên giới huyện Bảo Lạc (tỉnh Cao Bằng), người Nùng xã Quang Hán (huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng), người Hmông xã Bản Lầu (huyện Mường Khương, tỉnh Lào Cai) hay người Hà Nhì xã Xín Thầu (huyện Mường Nhé, tỉnh Điện Biên)... trước đây thường lấy giống mới từ người thân ở bên kia biên giới (Lý Hành Sơn, Trần Thị Mai Lan đồng chủ biên, 2017; Lý Hành Sơn, Lê Minh Anh, 2020, tr. 59). Việc trao đổi giống vật nuôi xuất hiện đã lâu ở người Nùng tại biên giới hai tỉnh Cao Bằng và Lạng Sơn, song chủ yếu là người Nùng của Việt Nam sang xin hoặc mua giá rẻ từ người họ hàng hay đồng tộc bên Trung Quốc con giống vịt, ngan, gà mang về nuôi (Lý Hành Sơn, Trần Thị Mai Lan đồng chủ biên, 2017, tr. 91-95). Việc trao đổi kinh nghiệm, kỹ thuật sản xuất giữa người dân các tộc người ở hai bên biên giới cũng diễn ra từ lâu và tiếp tục đến hiện nay. Trong giai đoạn năm 1991 - 2000, khi Việt Nam chưa thể cung ứng đủ vật tư nông nghiệp tới các địa phương biên giới, thì phía Trung Quốc đã có điều kiện áp dụng máy móc để cải tạo đất, thu hoạch nông sản, với đủ các loại phân bón, thuốc bảo vệ thực vật giá rẻ. Những người thân, họ hàng đồng tộc của các tộc người ở Trung Quốc đã trợ giúp người dân các tộc người ở Việt Nam các công cụ, máy móc và vật tư nông nghiệp. Trong quá trình sản xuất, các tộc người vùng biên giới tiếp thu khá nhiều kinh nghiệm từ người thân ở Trung Quốc nhằm ứng phó với những biến động về giá cả thị trường, đặc biệt là thị trường bên kia biên giới nơi tiêu thụ chính nông sản của họ.

Về lâm nghiệp, những năm 90 của thế kỷ XX, khi kinh tế thị trường phát triển, các tộc người ở biên giới và nội địa Việt Nam đã sử dụng các công cụ hiện đại để săn bắn chim thú,

đánh bắt cá, khai thác lâm thổ sản, thuốc nam... và bán sang Trung Quốc với giá rẻ một cách ồ ạt (Khổng Diễn chủ nhiệm, 2022, tr. 27-28). Sau này, do cạn kiệt các nguồn lợi này, cùng với tác động từ chính sách lâm nghiệp của Nhà nước, người dân nơi biên giới đã tham gia trồng và bảo vệ rừng để có sản phẩm bán sang Trung Quốc. Tại vùng biên giới huyện Mường Khương (tỉnh Lào Cai) trước năm 2010, các hộ gia đình trồng các loại cây như mỡ, sa mộc, bồ đề, keo, xoan..., và bán trực tiếp cho thương lái bên Trung Quốc với giá 3 - 5 triệu đồng/m³. Trước năm 2020, việc qua lại biên giới dễ dàng nên đồng bào bán trực tiếp gỗ, lâm sản cho người Trung Quốc. Sau năm 2018, “thị trường gỗ Trung Quốc đã bão hòa” nên người dân bán gỗ cho các khu công nghiệp nội địa và đại lý thu mua trong nước (Nguyễn Công Thảo chủ nhiệm, 2022, tr. 84-86).

Trong khi đó, nghề thủ công và công nghiệp xuyên biên giới của người dân vẫn chưa phát triển vì: (i) Nghề thủ công truyền thống ở phía Việt Nam đã mai một, một số nghề như dệt thổ cẩm, chế biến lương thực, thực phẩm, rèn... còn duy trì nhưng chủ yếu bán cho người tiêu dùng nội địa và du khách tại các điểm du lịch, ít bán sang Trung Quốc. Ngược lại, người dân khu vực biên giới Việt Nam lại thích mua các sản phẩm thủ công của đồng tộc bên Trung Quốc, nhất là sản phẩm dệt may, nông cụ, đồ dùng sinh hoạt; (ii) Người dân các tộc người ở biên giới Việt Nam chưa có vốn liên kết đầu tư phát triển các cơ sở công nghiệp tiêu dùng hay khai khoáng, còn doanh nghiệp liên doanh với Trung Quốc tại các điểm nghiên cứu chủ yếu khai thác và chế biến khoáng sản, luyện kim màu, sản xuất bình ắc quy, dịch vụ các loại,... Vì thế, hoạt động của hầu hết các cơ sở công nghiệp này ảnh hưởng tới môi trường, điển hình là Nhà máy luyện kim loại màu của Công ty cổ phần Tứ Đình đóng tại xã Bản Lầu (huyện Mường Khương) đã bị đình chỉ hoạt động từ năm 2018 do thải các chất gây nguy hại ra môi trường.

Về thương mại và dịch vụ, từ khi tái mở cửa biên giới năm 1991, người dân các tộc người nơi đây đều gia tăng buôn bán các loại hàng hóa qua đường biên. Không ít người Trung Quốc đã sang biên giới nước ta thuê mặt bằng mở một số dịch vụ như bán đồ ăn uống, bán hàng tạp hóa, đóng gói cà phê, sản xuất bánh kẹo... để đưa sang Trung Quốc tiêu thụ, hoạt động này thể hiện rõ nét tại thị trấn Tà Lùng (huyện Quảng Hòa, tỉnh Cao Bằng), nơi có 5 công ty của Trung Quốc sang thuê đất 50 năm để sản xuất, kinh doanh. Các hoạt động buôn bán xuyên biên giới diễn ra rất sôi động, chủ yếu thông qua các chợ lớn nhỏ ở bên này hay bên kia biên giới. Có thể kể tới một số chợ trung tâm ở phía Việt Nam như chợ Cốc Lều ngay cạnh Cửa khẩu thành phố Lào Cai, chợ Cán Cấu - nơi buôn bán trâu bò ở huyện Si Ma Cai (tỉnh Lào Cai), chợ Lộc Bình ở thị trấn huyện Lộc Bình (tỉnh Lạng Sơn), chợ trung tâm thành phố Móng Cái (tỉnh Quảng Ninh),... Qua các chợ lớn, nhỏ này, người dân các tộc người ở phía Việt Nam đều có thể mua bán các loại hàng hóa nhập từ Trung Quốc hoặc từ Việt Nam như trâu bò, hàng tiêu dùng do các nhà máy sản xuất, hàng nông lâm thổ sản và thủ công truyền thống của tộc người... (Tạ Thị Tâm, 2020). Trong đó, “Hàng xuất khẩu là nông lâm sản; hàng nhập là vật tư nông nghiệp, quần áo; 90% đồ dùng của các tộc người thiểu số đều là đồ của Trung Quốc, trong đó quần áo chủ yếu của đồng tộc (Bùi Xuân Đỉnh - Nguyễn Ngọc

Thanh đồng chủ biên, 2013, tr. 33-34). Việc mua bán này còn được thực hiện theo các đường mòn, lối mở... qua lại đường biên giới, nhưng từ năm 2020 đến nay do Trung Quốc xây dựng hàng rào dọc đường biên, nếu người dân các tộc người muốn buôn bán, kinh doanh, mở dịch vụ... xuyên quốc gia thì phải qua lại cửa khẩu chính ngạch.

2. Quan hệ về xã hội

Từ năm 2019 về trước, nổi bật trong quan hệ về xã hội của các tộc người vùng biên là lao động làm thuê hợp pháp và bất hợp pháp (bất hợp pháp là chủ yếu) xuyên biên giới Việt - Trung, của cả tộc người ở giáp biên hay xa đường biên. Xóm Cốc Sả Dưới, xã Hồng Trị (huyện Bảo Lạc, tỉnh Cao Bằng), hàng năm có trên 100 người Lô Lô sang Trung Quốc làm thuê; xóm Ngâm Lôm, xã Cô Ba (huyện Bảo Lạc) do gần đường biên nên ngoại trừ cán bộ xóm, trưởng các đoàn thể, đảng viên, số người Lô Lô còn lại nếu có sức khỏe đều sang Trung Quốc làm thuê. Đồng bào đi làm thuê đông nhất vào những lúc nông nhàn: từ sau ngày 3/3 âm lịch khi vừa gieo trồng xong cho đến gần ngày 15/7 âm lịch thì về quê ăn Tết tháng 7 và thu hoạch ngô lúa, rồi đi tiếp đến gần Tết Nguyên đán mới trở về nhà (Lê Minh Anh - Lê Thị Mùi đồng chủ nhiệm, 2021, tr. 143). Riêng các xóm người Nùng và Tày ở các xã của huyện Trùng Khánh (tỉnh Cao Bằng), như xóm Lũng Phiắc, xã Đàm Thủy, hàng năm có trên 300 người Nùng sang Trung Quốc làm thuê theo hình thức sáng đi tối về, và khoảng 50 - 60 người đi làm công nhân tại các công ty của Trung Quốc. Một số xóm khác của xã Đàm Thủy như Sục Mạ, Háng Khoang, hàng năm đều có 18 - 20 người Tày, Nùng/mỗi xóm sang Trung Quốc làm thuê 3 - 6 tháng (Lê Minh Anh - Lê Thị Mùi đồng chủ nhiệm, 2021, tr. 143). Ngoài ra, có rất nhiều người tới các cửa khẩu phía Việt Nam hay sang Trung Quốc bốc vác hàng thuê. Thôn Bản Thầu, xã Tân Thanh (huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn), do tiếp giáp chợ Pò Chài ở biên giới phía Trung Quốc, nên rất nhiều người Tày, Nùng, Kinh đi bốc vác thuê, vận chuyển hàng hóa từ chợ Pò Chài sang Việt Nam cho các chủ hàng tại Cửa khẩu Tân Thanh; nhiều người còn sang tận các bến tàu, bến xe ở Trung Quốc để bốc vác hàng thuê (Phạm Thị Thu Hà, 2012). Tại Cửa khẩu thành phố Lào Cai, trước dịch COVID-19 mỗi ngày có khoảng 300 người dân các tộc người nơi đây tham gia chuyển hàng hóa sang thị trấn Hà Khẩu, Trung Quốc (Bùi Xuân Đỉnh - Nguyễn Ngọc Thanh đồng chủ biên, 2013, tr. 81-84). Một số nghiên cứu còn nói tới phụ nữ các tộc người Giáy, Hmông, Bô Y... ở Lào Cai sang thị trấn Hà Khẩu bán hàng thuê cho các cửa hàng, ki-ốt, siêu thị, nhà hàng, quán ăn (Bùi Xuân Đỉnh - Nguyễn Ngọc Thanh đồng chủ biên, 2013, tr. 81-84). Vì thế, tại các điểm nghiên cứu hiện thấy có khá nhiều nam nữ thanh niên theo học các lớp tiếng Trung do tư nhân dạy, chủ yếu để sang Trung Quốc bán hàng. Song, lao động xuyên biên giới dù hợp pháp hay bất hợp pháp đều phải tạm dừng khi dịch COVID-19 bùng phát và Trung Quốc xây dựng hàng rào dọc đường biên giới. Chỉ đến giữa tháng 12/2022, khi Trung Quốc mở cửa trở lại một số cửa khẩu thì người dân và hàng hóa xuất nhập khẩu mới tiếp tục được qua lại các cửa khẩu dọc đường biên. Tháng 3/2023, khảo sát tại xã Bản Lầu (huyện Mường Khương) cho thấy có 7 - 8 người Hmông ở thôn Na Lốc 2 sang Trung Quốc làm thuê, với điều kiện phải khám sức khỏe, có giấy thông

hành qua Cửa khẩu Lào Cai. Họ có thể sang Trung Quốc làm việc 1 - 3 tháng; khi làm thuê ở bên kia biên giới, nếu giấy thông hành hết hạn mà vẫn còn công việc thì người làm thuê sẽ trở về Việt Nam xin gia hạn. Các trường hợp này được người chủ Trung Quốc giới thiệu việc làm và bảo lãnh sang đó. Số tiền mà người lao động cần nộp trước cho ông chủ là 7 triệu VNĐ nếu có việc làm liên tục 6 tháng, 14 triệu VNĐ khi có việc làm cả năm. Đây có thể là sự khởi đầu cho người dân các tộc người vùng biên di cư sang Trung Quốc làm thuê sau khi Trung Quốc xây hàng rào thép, nhưng là hình thức di cư lao động hợp pháp chứ không phải trái phép như trước đây (PVS. ông Q, thôn Na Lốc 2, xã Bản Lầu, huyện Mường Khương, tỉnh Lào Cai, ngày 9/3/2023).

Đối với phát triển xã hội, bên cạnh các thành tựu to lớn do thực hiện nhiều chính sách của Đảng và Nhà nước luôn đóng vai trò nền tảng cho những thay đổi tích cực về đời sống của các cộng đồng cư trú và địa phương biên giới, thì quan hệ dân tộc xuyên biên giới cũng góp phần thúc đẩy những biến đổi đó. Nguồn thu nhập từ di cư lao động ở Trung Quốc không chỉ giúp cải thiện cuộc sống của gia đình, mà còn giúp đầu tư cho sản xuất nông - lâm nghiệp, xây dựng nhà ở, cải tạo và nâng cấp hệ thống đường sá trong thôn/bản. Có thể lấy dẫn chứng điển hình về việc thực hiện thành công các tiêu chí Nông thôn mới của người dân các tộc người ở xã biên giới Phú Lũng (huyện Yên Minh, tỉnh Hà Giang). Do tăng dân số và thiếu đất sản xuất dẫn đến thiếu việc làm, trong khi ở bên Trung Quốc lại có rất nhiều việc làm thuê. Trên cơ sở sẵn có các mối quan hệ thân tộc, thông gia, bạn bè kết nghĩa xuyên biên giới, năm 2007 người dân Hmông, Dao, Cơ Lao, Pu Péo... trong các thôn/xóm của Phú Lũng bắt đầu rủ nhau đi làm thuê ở Trung Quốc, rồi trở thành phong trào cho đến khi xuất hiện dịch bệnh COVID-19. Kết quả là: *“Nhờ đó trong nhiều năm qua, đời sống của người dân được cải thiện, tỷ lệ nhà ở kiên cố được xây dựng ngày càng tăng, góp phần đáng kể cho Phú Lũng đạt chuẩn nông thôn mới năm 2017 và trở thành xã biên giới đầu tiên của tỉnh Hà Giang hoàn thành tiêu chí về nhà ở theo Bộ tiêu chí xây dựng Nông thôn mới. Có 91% tổng số hộ gia đình trong xã có nhà ở đạt chuẩn theo quy định, đảm bảo 3 cứng: nền cứng, khung cứng, mái cứng; 91% số lao động có việc làm thường xuyên, trên 90% số hộ được sử dụng nước hợp vệ sinh thường xuyên...”* (Lê Thị Mùi, Nguyễn Thị Thanh Bình, 2022, tr. 40). Hơn nữa, nguồn thu nhập do di cư lao động xuyên biên giới còn đóng góp vào công quỹ địa phương để nâng cấp hệ thống đường nông thôn trên địa bàn xã Phú Lũng. Từ năm 2012 đến năm 2017, trong suốt 7 năm xây dựng nông thôn mới, xã này đã bê-tông hóa được 4,4/7,5km đường trục thôn, liên thôn; 7,2/12,8km đường ngõ, xóm; và nâng tỷ lệ số hộ sử dụng điện lưới quốc gia lên 98,6% (Duy Tuấn, 2018). Rõ ràng, đây là sự đóng góp đáng kể từ các mối quan hệ tộc người xuyên biên giới đối với xây dựng không gian sinh tồn của cộng đồng cư trú và địa phương biên cương.

Về hôn nhân, gia đình, dòng họ xuyên biên giới, nổi bật vẫn là vấn đề phụ nữ các dân tộc ở Việt Nam lấy chồng Trung Quốc nhưng đa phần không đăng ký kết hôn, với xu hướng tuy tăng về số lượng kết hôn nhưng giảm dần yếu tố đồng tộc và tăng yếu tố khác tộc. Về số

lượng, đến nay chưa có số liệu thống kê đầy đủ, đặc biệt là số lượng của mỗi tộc người ở vùng biên giới, nhưng theo ước tính thì cả nước có trên 50 nghìn phụ nữ Việt Nam kết hôn với người Trung Quốc (Đặng Thị Hoa, 2016, tr. 19-20). Ở tỉnh Cao Bằng, từ năm 1990 - 2009 có hơn 1.230 phụ nữ địa phương đi lấy chồng người Trung Quốc; ở tỉnh Lạng Sơn, từ 1990 - 2011, chỉ riêng các huyện biên giới đã có 3.004 trường hợp kết hôn xuyên biên giới, hầu hết là phụ nữ Nùng và Tày lấy chồng Trung Quốc và sống tại đó (Lý Hành Sơn - Trần Thị Mai Lan đồng chủ biên, 2017, tr. 139 và 142). Với sự gia tăng số lượng kết hôn có yếu tố nước ngoài, quan hệ gia đình và dòng họ xuyên biên giới hiện nay phần lớn là quan hệ thông gia. Các quan hệ thân tộc tuy diễn ra lâu đời, trải qua nhiều thế hệ đến nay vẫn duy trì nhưng đang mờ nhạt dần ở một số tộc người tại một số địa phương. Người Hà Nhì và người Giáy ở hai xã Y Tý và xã Bản Qua (huyện Bát Xát, tỉnh Lào Cai), bên cạnh quan hệ hôn nhân là chính, nhiều gia đình hiện vẫn duy trì quan hệ họ hàng xuyên biên giới: có tới 59% số người Hà Nhì được hỏi cho biết gia đình họ có anh em họ hàng ở bên kia biên giới, tỷ lệ này của người Giáy là 72,7%. Trong số các gia đình ấy, có tới 78% người Hà Nhì cho biết trước dịch bệnh COVID-19, gia đình họ hàng hai bên biên giới có qua lại thăm hỏi thường xuyên và tỷ lệ này ở người Giáy chiếm 74,8% (Hoàng Phương Mai chủ nhiệm, 2022, tr. 146). Ngoài ra, bộ phận người dân một số tộc người sau khi di cư cùng đoàn người Hoa trở về Trung Quốc làm ăn sinh sống từ chiến tranh biên giới phía Bắc năm 1979 đến nay vẫn có quan hệ họ hàng với những gia đình dòng tộc ở phía Việt Nam. Điều này thể hiện rõ ở cộng đồng người Lô Lô và người Hmông nơi giáp đường biên giới xã Lũng Cú (huyện Đồng Văn, tỉnh Hà Giang), bởi hiện nay đồng bào vẫn thực hiện các mối quan hệ họ hàng với khoảng 10 hộ người Lô Lô và 10 hộ người Hmông đã di cư sang Trung Quốc lập nghiệp từ cuối những năm 70 của thế kỷ XX (PVS. ông C, sinh năm 1949, xóm Lô Lô Chải, xã Lũng Cú, huyện Đồng Văn, tỉnh Hà Giang).

Riêng quan hệ cộng đồng láng giềng ở hai bên biên giới, tuy xuất hiện từ trong lịch sử nhưng đến nay vẫn được người dân các tộc người ở vùng biên cương quan tâm với trách nhiệm đảm bảo đoàn kết, tương trợ nhau. Vì thế, quan hệ cộng đồng láng giềng hữu nghị luôn được người dân và chính quyền địa phương hai bên biên giới tạo điều kiện thuận lợi và đã xây dựng thành những cặp thôn/bản kết nghĩa tại một số địa phương khi đã hội tụ đầy đủ các tiêu chí. Có thể nói, người dân các tộc người sinh sống tại các địa phương biên giới Việt - Trung đến nay vẫn gắn kết các mối quan hệ họ hàng, đồng tộc, hàng xóm láng giềng với những người đồng tộc và khác tộc ở bên kia biên giới. Các mối quan hệ này đã diễn ra từ lâu đời với người Nùng ở các huyện Hà Quảng, Trùng Khánh (tỉnh Cao Bằng), người Tày ở huyện Văn Lãng (tỉnh Lạng Sơn), người Lô Lô ở hai tỉnh Cao Bằng và Hà Giang, người Hà Nhì ở các tỉnh Lào Cai, Điện Biên,... Đặc biệt, mối quan hệ họ hàng đồng tộc xuyên biên giới ở tộc người Hmông còn đi xuyên nhiều quốc gia trên thế giới. Với lịch sử thiên di và tính cố kết dòng tộc, người Hmông ở các vùng miền nước ta và các nước trên thế giới đã tạo dựng được mạng lưới liên hệ, trao đổi thông tin với nhau từ vùng này đến vùng khác, từ Việt Nam tới Trung Quốc, Lào, Thái Lan, Myanmar, Mỹ,... Bên cạnh đó, hầu hết các tộc người, bao gồm Tày và Nùng ở tỉnh Cao

Bằng hay tỉnh Lạng Sơn, Hà Nhì ở hai tỉnh Điện Biên và Lai Châu, Lô Lô ở tỉnh Hà Giang, Giáy hoặc Hmông ở tỉnh Lào Cai... đều có các mối quan hệ đồng tộc xuyên biên giới Việt - Trung, nhất là các quan hệ họ hàng và thông gia (Đậu Tuấn Nam chủ nhiệm, 2017, tr. 133).

3. Quan hệ về văn hóa

Kết quả khảo sát năm 2022-2023 cho thấy, hầu hết các cộng đồng cư trú tại những địa bàn truyền thống đối diện nhau dọc đường biên giới đều có đồng tộc, nên từ lâu đã thường xuyên diễn ra quan hệ văn hóa xuyên biên giới. Chỉ những địa bàn ở phía Việt Nam hay bên Trung Quốc mới thành lập cộng đồng cư trú khác dân tộc thì ít có quan hệ văn hóa đồng tộc. Song, những cộng đồng cư trú mới này không nhiều, thường thành lập sau năm 1979, chẳng hạn các thôn Cốc Phương, Na Lốc 1, Na Lốc 2, Na Lốc 3 và Na Lốc 4 của người Hmông xã Bản Lầu (huyện Mường Khương). Người dân ở những thôn, bản mới này vẫn có đồng tộc ở bên kia biên giới. Gần đây, có những cộng đồng mới ở dạng giãn dân từ các thôn/bản xung quanh hoặc các xã, huyện khác trong vùng. Cụ thể như 14 hộ người Dao ở xóm giáp biên Nà Gium xã Hoành Mô (huyện Bình Liêu, tỉnh Quảng Ninh), được hình thành từ năm 2012. Trong khi, đối diện với Nà Gium, ở bên kia biên giới là làng Tòng Xá (trấn Động Trung, tỉnh Quảng Tây, Trung Quốc) của tộc người Choang. Tuy vậy, những khác biệt này không ảnh hưởng nhiều tới nhận thức, thực hành và bảo tồn, phát huy các giá trị văn hóa tộc người của người dân ở hai bên biên giới. Bởi vì, quan hệ giao lưu văn hóa là nhu cầu khách quan trong đời sống các tộc người không chỉ trong nội vùng mà cả xuyên biên giới. Về cơ bản, quan hệ văn hóa xuyên biên giới được hiện thực hóa trong thực tiễn thông qua các dịp sinh hoạt văn hóa của các gia đình, dòng họ, cộng đồng hai bên biên giới. Tại các điểm nghiên cứu, trước dịch COVID-19, mỗi khi đối tác bên này hay bên kia biên giới tổ chức sự kiện văn hóa như vào nhà mới, cưới hỏi, lễ hội của cộng đồng, những người dân có quan hệ thân thiết đều qua lại đường biên để thăm viếng, thực hiện các hoạt động văn hóa chung. Tình trạng này diễn ra một cách tự nhiên, với tinh thần không chỉ trợ giúp, động viên nhau trong cuộc sống, mà còn nhằm giải tỏa những băn khoăn về tình cảm quan hệ thân tình, giải quyết các vấn đề về nghĩa vụ tâm linh; qua đó góp phần duy trì, phát huy các giá trị văn hóa của mỗi tộc người ở nơi biên cương. Riêng văn hóa vật chất, còn có sự gia tăng nhu cầu sử dụng các sản phẩm của nhau, tuy mức độ có khác biệt ở từng cộng đồng và từng tộc người ở cách xa hay gần đường biên. Chẳng hạn, nhiều tộc người ở biên giới phía Việt Nam hiện nay không còn trồng bông dệt vải, vì thế điểm nổi bật trong quan hệ xuyên biên giới là việc sử dụng trang phục, đặc biệt bộ trang phục nữ của người đồng tộc bên kia biên giới: “Ngoài quần áo, người Hà Nhì còn mua một số thứ khác của bộ trang phục ở chợ bên kia biên giới, như mũ trẻ em, vòng tay, vòng cổ, những đồng xu đính trên áo, mũ...” (Vương Xuân Tình chủ nhiệm, 2011, tr. 69); “Tại vùng Đông Bắc như các tỉnh Lạng Sơn, Cao Bằng, các dân tộc Tày, Nùng cũng ưa chuộng hàng quần áo của Trung Quốc được cắt may theo kiểu truyền thống” (Vương Xuân Tình chủ nhiệm, 2011, tr. 71-72). Rõ ràng, hầu hết các tộc người ở phía Việt Nam đều thích

trang phục truyền thống của dân tộc nhưng do phía Trung Quốc sản xuất bằng công nghiệp, tuy chất lượng không đảm bảo nhưng đa dạng mẫu mã, giá cả thấp hơn so với công sức tự làm ra bộ trang phục truyền thống này.

Về tín ngưỡng, đa thần giáo là phổ biến ở các tộc người vùng biên giới Việt - Trung. Trước khi xuất hiện Tin Lành những năm 80 của thế kỷ XX, trong lịch sử vùng này chưa có tôn giáo nào chiếm ưu thế. Phật giáo, Công giáo tuy có mặt ở một vài nơi nhưng sức hút không lớn. Vì thế, ngoài bộ phận nhỏ người Hmông, Dao và một số tộc người theo Tin Lành hoặc một số đạo lạ, quan hệ tâm linh xuyên biên giới chủ yếu là thực hành tín ngưỡng truyền thống, trong đó thờ cúng tổ tiên và các nghi lễ cộng đồng có sức kết nối rất lớn, bao gồm kết nối giữa các gia đình, các cộng đồng đồng tộc và khác tộc ở hai bên biên giới. Việc người dân các tộc người ở hai bên qua lại đường biên để tham dự các hoạt động tín ngưỡng của nhau diễn ra từ lâu đời đã góp phần duy trì, phát huy nhiều giá trị tín ngưỡng cổ truyền tộc người trong bối cảnh gia tăng ảnh hưởng của các tôn giáo ngoại lai. Nhìn chung, trước khi dịch COVID-19 xảy ra, người dân các tộc người qua lại biên giới để tham dự các hoạt động văn hóa của gia đình, dòng họ, cộng đồng cư trú và của địa phương có xu hướng tăng bởi sự thuận lợi về hạ tầng giao thông, sự phát triển của công nghệ thông tin truyền thông và sự gia tăng các cuộc hôn nhân xuyên biên giới, kết nghĩa bạn bè, liên kết làm ăn,... Bên cạnh đó, người dân các tộc người qua lại biên giới để tham gia những hoạt động tâm linh tại các chùa, đền, miếu cũng diễn ra rất sôi động, như người dân các tộc người ở Trung Quốc sang Việt Nam để cầu lễ tại ngôi đền thờ *Mẻ Nàng Tiên* (thờ Thánh mẫu) tại Tổ dân phố Phia Khoang, thị trấn Tà Lùng (huyện Quảng Hòa, tỉnh Cao Bằng). Theo người dân địa phương, trước dịch COVID-19, hàng năm vào dịp Tết Nguyên đán, người dân Trung Quốc ở huyện Long Châu và nhiều nơi khác đến đây rất đông, khoảng trên dưới một nghìn người để thắp hương tại ngôi đền này, bởi người Choang và các tộc người khác ở bên Trung Quốc quan niệm ngôi đền này rất linh thiêng.

Cơ sở của việc thúc đẩy các mối quan hệ xuyên biên giới, bao gồm quan hệ văn hóa, chính là sự tương đồng ngôn ngữ, trong khi hầu hết các cộng đồng cư trú dọc hai bên biên giới đều là đồng tộc. Vì thế, người dân mỗi tộc người ở hai bên nếu có cơ hội giao tiếp với nhau thường nói bằng tiếng mẹ đẻ. Tại thị trấn Tà Lùng (huyện Quảng Hòa), đa phần người Tày, Nùng đều có thể giao tiếp thoải mái với người Choang ở Trung Quốc. Đối với người Hmông, ngay khi đặt chân sang đất Trung Quốc họ thường được người thân hay người đồng tộc tiếp đón. Thông thường, ở những nơi giáp đường biên giới hoặc vào sâu hơn trong nội địa Trung Quốc, nếu có người Hmông sinh sống thì ở phía Việt Nam cũng có người Hmông, điều này thể hiện rõ tại các địa bàn biên giới các tỉnh Cao Bằng, Hà Giang, Lào Cai,... Nếu không có người Hmông ở biên giới đối diện, họ nói với các tộc người khác bằng tiếng *Quan Hoa*, do tiếng nói này hiện vẫn được nhiều người trên 40 tuổi trong vùng sử dụng. Chưa kể tới ngôn ngữ vùng, người dân các tộc người có dân số ít thường nói được tiếng của tộc người có dân số

đông hơn, đặc biệt tiếng phổ thông của vùng cũng tương đồng với tiếng của tộc người có dân số đông ở bên kia biên giới. Bên cạnh đó, các tộc người khu vực biên giới phía Việt Nam hay bên Trung Quốc còn sử dụng ngôn ngữ quốc gia, song họ chủ yếu sử dụng tiếng mẹ đẻ vì phần lớn các mối quan hệ xuyên biên giới ở các tộc người nơi đây đều là đồng tộc.

4. Quan hệ về an ninh và chính trị

Như đã đề cập, ở các thôn/bản giáp đường biên giới, người dân vẫn luôn qua lại viếng thăm nhau, chia sẻ các công việc làm ăn, vui buồn của nhau; thôn/bản bên này có việc gì thì người dân bên kia biên giới cũng chia sẻ, giúp đỡ. Đó là các hình thức giao lưu, hợp tác phi chính thức giữa người dân các tộc người cũng như các cộng đồng cư trú dọc hai bên biên giới. Các quan hệ này có xu hướng gia tăng, do tác động của kinh tế thị trường, toàn cầu hóa, đặc biệt tăng số lượng các cuộc hôn nhân xuyên biên giới. Song, do chưa có điều kiện kết nghĩa giữa hai thôn/làng nên việc người dân qua lại đường biên, thăm thân, tổ chức các hoạt động giao lưu, trao đổi kinh nghiệm sản xuất vẫn gặp khó khăn, nhất là khi việc quản lý biên giới của lực lượng chức năng Việt Nam và Trung Quốc ngày càng chặt chẽ. Vì thế, quan hệ cộng đồng cư trú ở hai bên biên giới gần đây được chính quyền của hai nước cùng quan tâm, đã tổ chức thành công cho không ít cặp thôn/bản hai bên biên giới kết nghĩa. Qua đó, người dân các tộc người không chỉ gia tăng giao lưu, trợ giúp nhau mà còn tự giác tham gia cùng các lực lượng quản lý biên giới mỗi bên tuần tra bảo vệ đường biên, cột mốc quốc giới. Đặc biệt hai bên còn có trách nhiệm cùng nhau giải quyết các vụ việc xảy ra vừa dựa trên tình hữu nghị, vừa đảm bảo đúng pháp luật của mỗi nước. Bên cạnh đó, tại những nơi có Nhà văn hóa hữu nghị của hai thôn/bản kết nghĩa, như Nhà văn hóa hữu nghị biên giới Việt - Trung tại thôn Na Lốc 3 thuộc xã Bản Lầu (huyện Mường Khương), từ khi khánh thành, người dân các thôn Cốc Phương, Na Lốc 1, Na Lốc 2 và Na Lốc 3 thường tới để giao lưu, đón nhận những thông tin mới đến từ hai bên biên giới. Mỗi buổi giao lưu đều biểu diễn văn nghệ, thể thao với sự góp mặt của những người kết nghĩa ở bên kia biên giới. Đây được xem như một “chất keo kết dính” giúp người dân hai bên biên giới gần gũi với nhau hơn.

Bên cạnh bảo vệ biên giới qua kết nghĩa thôn/bản, nhằm phòng chống các tệ nạn xã hội, tội phạm, còn có sự phối hợp tuần tra biên giới giữa người dân, lực lượng bảo vệ biên giới của Việt Nam và Trung Quốc. Bộ đội Biên phòng tỉnh Lào Cai năm 2017 - 2018, ngoài nhiệm vụ vận động người dân tham gia, còn trực tiếp phối hợp tổ chức 21 lần tuần tra liên hợp với Chi đội Công an Biên phòng châu Hồng Hà, với trên 2.500 lượt cán bộ, chiến sĩ tham gia, theo phương thức biên đối biên, điểm đối điểm, tuyến đối tuyến. Trong quá trình tuần tra, lực lượng hai bên đã gặp gỡ 600 lần để trao đổi về tình hình ở biên giới; phát hơn 22.200 tờ rơi tuyên truyền cho trên 8.750 lượt cư dân biên giới; phát hiện, ngăn chặn nhiều lượt công dân hai bên có hành vi buôn lậu, xuất nhập cảnh trái phép... (Đỗ Ngọc Tuấn, 2018). Tại Hà Giang, hàng năm 12 đồn Biên phòng tuyến biên giới tỉnh đã phối hợp với các đơn vị quản lý biên giới khu vực châu Văn Sơn (tỉnh Văn Nam, Trung Quốc) tuần tra liên hợp vào các dịp lễ 30/4,

1/5, ngày 27/4,... Trong mỗi lần tuần tra, hai bên đều chấp hành nghiêm nguyên tắc đối ngoại; cùng kiểm tra đoạn biên giới được phân công; trao đổi thông tin về tình hình an ninh trên địa bàn đơn vị quản lý, đề xuất các biện pháp nhằm tăng cường hiệu quả trong quản lý, bảo vệ biên giới, thực thi pháp luật trên biên giới; kịp thời đấu tranh, ngăn chặn các hành vi vi phạm pháp luật trên biên giới (Xuân Minh, 2023). Nhìn chung, các đợt vận động tuyên truyền của bộ đội biên phòng, công an địa phương cũng như việc phối hợp tuần tra biên giới giữa lực lượng hai bên đã góp phần nâng cao ý thức của cư dân hai biên giới cùng tham gia bảo vệ an ninh trật tự, phòng chống các tệ nạn xã hội, tự giác chấp hành các quy định pháp luật nước mình, chính sách quản lý biên giới của nước bạn.

Từ quan hệ xuyên biên giới về đảm bảo an ninh, người dân và lực lượng bảo vệ biên giới đã phát hiện, kịp thời ngăn chặn nhiều vụ phạm tội. Trong đó, có vụ mang tính tổ chức môi giới đưa số lượng người vượt biên trái phép lớn nhất từ trước đến nay tại tỉnh Lào Cai được phát hiện ngày 13/4/2021. Trong vụ này, tính từ tháng 4/2020 đến tháng 4/2021, đối tượng Giàng Mĩ (sinh năm 1990) - nữ người Hmông ngụ ở xã Bản Lầu (huyện Mường Khương) là người cầm đầu phía Việt Nam và đối tượng Vũ Minh Toàn (sinh năm 1998) ngụ tại huyện Hàm Yên (tỉnh Tuyên Quang) là người cầm đầu phía Trung Quốc cùng nhiều đối tượng đã thực hiện trót lọt 91 vụ, đưa đường cho 200 người vượt biên trái phép tại xã Bản Lầu (Thái Bình, 2021). Bên cạnh đó, người dân và lực lượng bảo vệ biên giới còn phát hiện, ngăn chặn không ít vụ vận chuyển, buôn bán trái phép chất ma túy và lừa đảo buôn bán phụ nữ, trẻ em. Ngày 2/10/2020, Phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy Công an tỉnh Lào Cai phối hợp với Công an huyện Mường Khương và lực lượng Biên phòng đã triệt phá chuyên án ma túy tổng hợp lớn nhất từ trước đến nay trên địa bàn tỉnh này, thu giữ tại hiện trường 250.000 viên ma túy tổng hợp, do đối tượng Vàng Liền Hòa (sinh năm 1998, ngụ tại thôn Pác Bo, xã Bản Lầu) câu kết với các đối tượng người nước ngoài buôn ma túy từ Lào vào tỉnh Lào Cai để đưa sang nước khác qua địa phận xã Pha Long, huyện Mường Khương (Báo điện tử Bắc Giang, đăng ngày 2/10/2020). Đặc biệt gần đây, ngày 13/4/2023, Phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy Công an tỉnh Lào Cai đã triệt phá thành công đường dây mua bán, vận chuyển trái phép chất ma túy xuyên quốc gia từ Lào về Lào Cai tiêu thụ và trung chuyển sang nước thứ ba; bắt giữ 5 đối tượng trong đường dây, thu giữ 14 bánh heroin, 15.000 viên ma túy tổng hợp, 2,7kg thuốc phiện,... Đáng lưu ý trong 5 đối tượng này có tới 4 đối tượng trú tại thôn Na Lốc 4 xã Bản Lầu huyện Mường Khương, 1 đối tượng ngụ ở xã Thượng Hà, huyện Bảo Yên (Thanh Nga, Quỳnh Trang, 2023). Riêng tội phạm buôn bán phụ nữ, trẻ em: năm 2011 - 2015, các lực lượng bảo vệ biên giới tỉnh Lào Cai đã phát hiện 329 vụ buôn bán người, lập hồ sơ xử lý 458 đối tượng, tiếp nhận 393 nạn nhân bị mua bán trở về, gồm 74 nạn nhân là trẻ em; năm 2004 - 2014, tỉnh Lạng Sơn có 4.390 phụ nữ rời bỏ quê nhà, phần lớn trong số họ bị lừa bán sang Trung Quốc, số còn lại xuất cảnh trái phép sang Trung Quốc lấy chồng; năm 2008 - 2014, tỉnh Lai Châu có 18 vụ với 35 nạn nhân là

phụ nữ bị lừa bán sang Trung Quốc, chưa kể 61 phụ nữ mất tích có thể bị lừa bán sang Trung Quốc (Đậu Tuấn Nam chủ nhiệm, 2017, tr. 141-143).

5. Một số vấn đề đặt ra và kiến nghị

5.1. Một số vấn đề đặt ra

- *Thứ nhất*, các mối quan hệ dân tộc xuyên biên giới ngày càng gia tăng trong bối cảnh mới, nhất là các lĩnh vực kinh tế, văn hóa, song các cấp chính quyền địa phương vẫn chưa có chiến lược tổng thể nhằm phát huy những giá trị của quan hệ dân tộc xuyên biên giới vào phát triển kinh tế, quản lý xã hội, bảo tồn văn hóa cho người dân và các cộng đồng cư trú dọc đường biên giới, góp phần phát triển kinh tế, ổn định chính trị, bảo đảm an ninh quốc phòng vùng biên cương. Chẳng hạn như chưa phát huy được các giá trị của quan hệ dân tộc xuyên biên giới trong phát triển du lịch vùng biên. Qua khảo sát tại địa bàn nghiên cứu, du lịch xuyên biên giới là một trong những điểm đáng lưu ý trong bối cảnh mới đối với người dân các tộc người cư trú ở hai bên biên giới Việt - Trung nhưng đến nay hầu như chưa được khai thác xứng tầm với tiềm năng, do ảnh hưởng của yếu tố an ninh quốc gia của mỗi nước. Mặc dù người dân các tộc người ở khu vực biên giới Việt - Trung chỉ được cấp giấy thông hành qua lại đường biên để tới các địa bàn thuộc biên giới của nước kia, không được đi sâu vào nội địa, song không ít người dân vùng biên đã từng vài lần đi thăm thân hoặc đi chơi mua bán. Đây cũng được xem là những hành trình trải nghiệm du lịch xuyên biên giới thú vị của họ. Theo quy định chung, người dân khu vực biên giới muốn vào sâu trong nội địa mỗi nước để du lịch thì phải làm hộ chiếu và phải tổ chức thành đoàn. Vấn đề này là yếu tố trở ngại đối với người dân các tộc người ở hai bên biên giới. Hơn nữa, phát triển du lịch xuyên quốc gia của người dân các tộc người sinh sống ở biên giới, đặc biệt biên giới Việt - Trung, cần có sự hợp tác giữa chính quyền hai nước, nhất là chính quyền của các tỉnh biên giới. Rõ ràng, vấn đề du lịch ở vùng biên giới và xuyên biên giới Việt - Trung của người dân các tộc người ở hai bên đường biên rất cần có các nghiên cứu chuyên sâu từ nhiều góc độ để đưa ra những đề xuất mang tính khả thi.

- *Thứ hai*, cần xây dựng cơ sở để có thể tạo ra nhiều việc làm ổn định tại các địa phương trọng điểm thuộc khu vực biên giới để giải quyết việc làm, thu nhập cho bộ phận lao động dôi dư ngày càng tăng, qua đó hạn chế tình trạng di cư lao động và hôn nhân xuyên biên giới bất hợp pháp của các tộc người. Từ khi dịch COVID-19 bùng phát và hàng rào biên giới được xây dựng, tình trạng thiếu việc làm ở các tộc người vùng biên giới trở thành một vấn đề kinh tế - xã hội cần lưu tâm khi các việc làm xuyên biên giới và việc làm tại các cửa khẩu với Trung Quốc đã không còn được thực hiện. Hầu hết các lao động di cư tìm việc ở Trung Quốc cả hợp pháp và bất hợp pháp đã trở lại Việt Nam trong thời kỳ phong tỏa để hạn chế dịch bệnh. Hàng hóa xuất nhập khẩu qua các cửa khẩu cũng được thông quan nhỏ giọt dưới hình thức nhập cả xe hàng chứ không cần bốc dỡ và mang vác thủ công qua biên giới như trước kia nữa. Một bộ phận người lao động, chủ yếu là thanh niên đã chuyển từ lao động xuyên biên giới sang lao động sâu

nội địa. Tình trạng này có thể gây nên những khó khăn trong công tác huy động nguồn nhân lực tại chỗ để phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội và đảm bảo an ninh quốc phòng khi những người ở lại bám trụ ở vùng biên giới chủ yếu là người lớn tuổi và trẻ em.

- *Thứ ba*, vấn đề quan hệ về văn hóa xuyên biên giới gắn với việc bảo tồn, phát huy các giá trị văn hóa tộc người trên cơ sở tăng cường các yếu tố văn hóa quốc gia Việt Nam tại các địa phương biên giới trong bối cảnh toàn cầu hóa, đô thị hóa và hội nhập kinh tế quốc tế ngày càng sâu rộng. Các quan hệ giao lưu văn hóa xuyên biên giới có tác động khá tích cực trong việc duy trì, bảo tồn văn hóa tộc người, giảm thiểu mai một văn hóa truyền thống tộc người do tác động của tiếp biến văn hóa, toàn cầu hóa văn hóa và sự phát triển thông tin, truyền thông vùng biên giới. Bên cạnh đó, cũng cần lưu tâm đến hoạt động lợi dụng giao lưu văn hóa tộc người xuyên biên giới để truyền đạo trái phép hoặc có các hành động chống phá an ninh chính trị, an ninh quốc phòng ở vùng biên giới.

- *Thứ tư*, vấn đề nâng cao và phát huy vai trò ý thức quốc gia - dân tộc của người dân các tộc người ở nơi biên cương trong bối cảnh gia tăng các mối quan hệ dân tộc xuyên biên giới, gắn với nhiệm vụ đảm bảo an ninh vùng biên, bảo vệ vững chắc chủ quyền lãnh thổ quốc gia Việt Nam.

5.2. Kiến nghị

- *Một là*, cần tiếp tục hoàn thiện chiến lược, chính sách, kế hoạch khả thi để tạo ra những điều kiện, cơ chế phát triển thông thoáng hơn nữa tại mỗi địa phương biên giới nhằm cải thiện kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, thúc đẩy và phát huy có hiệu quả các mối quan hệ mới, đặc biệt quan hệ dân tộc xuyên biên giới Việt - Trung liên quan đến hoạt động kinh tế, ổn định đời sống của người dân các tộc người và các cộng đồng cư trú nơi biên giới quốc gia Việt Nam.

- *Hai là*, đổi mới chính sách đối với từng khu vực biên giới nhằm tiếp tục nâng cao tính quy mô, chất lượng các cơ sở hạ tầng để thu hút doanh nghiệp đến đầu tư và thúc đẩy phát triển các dịch vụ liên quan đến sản xuất, kinh doanh, chế biến và tiêu thụ sản phẩm nông - lâm nghiệp,... Đồng thời, đẩy mạnh thông tin - truyền thông cho người dân các tộc người vùng biên giới về cách thức tăng thu nhập; mở rộng nhiều loại hình đào tạo nguồn lao động chất lượng cao, đặc biệt chú ý đào tạo nghề, nhất là các ngành nghề phi nông nghiệp phù hợp với điều kiện địa phương biên giới. Bên cạnh đó, ưu tiên cho người dân vay vốn ngân hàng và tăng số vốn vay để đầu tư mở rộng sản xuất, phát triển ngành nghề mới. Chính quyền địa phương chủ động phối hợp với đồng cấp bên Trung Quốc để tạo điều kiện tổ chức lao động xuyên biên giới hợp pháp nhằm giải quyết việc làm cho lao động dôi dư phía Việt Nam và tình trạng thiếu nhân công lao động phía Trung Quốc.

- *Ba là*, cần đảm bảo ngày càng tăng cường và mở rộng các hoạt động, giao lưu văn hóa quốc gia Việt Nam. Chú trọng bảo tồn và phát huy, khôi phục có chọn lọc những đặc trưng

văn hóa, tín ngưỡng tốt đẹp của các tộc người vùng biên giới trên cơ sở quản lý và định hướng các mối quan hệ văn hóa xuyên biên giới. Đồng thời, có chính sách phù hợp để khơi dậy, khuyến khích mọi tầng lớp người dân, đặc biệt lớp trẻ có phong trào tìm hiểu, học hỏi, thực hành và trân trọng các giá trị văn hóa của dân tộc mình.

- *Bốn là*, khi đề xuất và thực thi các chính sách phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo an ninh, chính trị, quốc phòng tại các khu vực biên giới Việt Nam, bao gồm biên giới Việt - Trung, nhất thiết phải đặt mục tiêu trọng tâm là củng cố tính thống nhất quốc gia, tăng cường các yếu tố quốc gia, nhất là ý thức quốc gia - dân tộc Việt Nam cho mọi tầng lớp nhân dân các tộc người sinh sống tại các địa phương biên giới. Đồng thời, các cấp, các ngành chức năng cần đẩy mạnh hơn nữa cơ chế thực hiện Quy chế dân chủ cơ sở, kết hợp trang bị và củng cố tốt nhất những kiến thức cơ bản cho người dân tự giác nâng cao trách nhiệm gìn giữ khối đại đoàn kết toàn dân tộc, bảo vệ vững chắc chủ quyền lãnh thổ quốc gia Việt Nam trong bối cảnh tác động sâu rộng của toàn cầu hóa, kinh tế thị trường, quan hệ dân tộc liên biên giới và xuyên quốc gia.

Kết luận

Xuyên suốt lịch sử quốc gia Việt Nam, các địa phương biên giới Việt - Trung luôn là địa bàn sinh sống của nhiều tộc người thuộc một số nhóm ngôn ngữ khác nhau, trong khi ở bên kia biên giới phía Trung Quốc cũng hầu hết là người đồng tộc với dân số đông hơn gấp nhiều lần. Đây là nền tảng cho việc hình thành, củng cố và ngày càng tăng cường các mối quan hệ dân tộc xuyên biên giới với người đồng tộc, khác dân tộc ở hai bên biên giới. Nếu được quản lý và định hướng phát triển vì lợi ích chung của cộng đồng các tộc người vùng biên cương và lợi ích quốc gia - dân tộc Việt Nam, các mối quan hệ dân tộc xuyên biên giới Việt - Trung sẽ là một trong những nhân tố quan trọng thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội tại địa phương, góp phần xây dựng thế trận vững mạnh về an ninh - quốc phòng nơi đây.

Kể từ khi tái thông thương biên giới năm 1991 đến nay, quan hệ dân tộc xuyên biên giới Việt - Trung ngày càng mở rộng, tạo điều kiện cho người dân các tộc người phía Việt Nam và người đồng tộc, khác tộc ở Trung Quốc có cơ hội tăng cường hỗ trợ nhau phát triển sản xuất, buôn bán, di cư lao động, hôn nhân, giao lưu văn hóa,... Song, phần lớn các trường hợp qua lại biên giới đều bất hợp pháp, vi phạm các quy định pháp luật bảo vệ biên giới của Việt Nam và Trung Quốc. Do đó, đặt ra nhiều vấn đề cần tiếp tục nghiên cứu sâu về quan hệ dân tộc xuyên biên giới Việt - Trung, đồng thời cần thực hiện những chính sách phù hợp hơn với thực tiễn và bối cảnh mới về thay đổi cơ cấu kinh tế, giải quyết việc làm, phát huy các giá trị văn hóa tộc người trên cơ sở tăng cường văn hóa quốc gia Việt Nam phục vụ phát triển và đảm bảo an ninh - quốc phòng tại các địa phương biên giới.

Tài liệu tham khảo

1. Lê Minh Anh, Lê Thị Mùi (Đồng chủ nhiệm, 2021), *Mạng lưới xã hội của tộc người Lô Lô và Nùng ở tỉnh Cao Bằng trong phát triển kinh tế, đảm bảo trật tự xã hội vùng biên giới*, Báo cáo tổng hợp kết quả Đề tài cấp Bộ, Viện Dân tộc học, Hà Nội.
2. Báo điện tử Bắc Giang (2020), *Bắt giữ số lượng ma túy tổng hợp lớn nhất từ trước tới nay tại Lào Cai*, trên trang <http://baobacgiang.com.vn/bg/phap-luat/343667/bat-giu-so-luong-ma-tuy-tong-hop-lon-nhat-tu-truoc-toi-nay-tai-lao-cai.html>, đăng ngày 2/10/2020; (Truy cập ngày 5/5/2023).
3. Thái Bình (2021), *Thành viên Tổ tuần tra chống dịch Covid-19 làm "nội gián" đưa 200 người vượt biên trái phép*, trên trang <https://nld.com.vn/phap-luat/thanh-vien-to-tuan-tra-chong-dich-covid-19-lam-noi-gian-dua-200-nguoi-vuot-bien-trai-phep-2021> (Truy cập ngày 5/5/2023).
4. Khổng Diễn (Chủ nhiệm, 2002), *Những vấn đề cấp bách về dân tộc ở nước ta hiện nay*, Báo cáo tổng hợp kết quả Đề tài cấp Bộ, Viện Dân tộc học, Hà Nội.
5. Bùi Xuân Đỉnh - Nguyễn Ngọc Thanh (Đồng chủ biên, 2013), *Một số vấn đề cơ bản về kinh tế - xã hội ở các vùng biên giới Việt Nam*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
6. Phạm Thị Thu Hà (2012), *Biến đổi sinh kế của người Tày ở biên giới tỉnh Lạng Sơn từ Đổi mới đến nay (Nghiên cứu trường hợp thôn Bản Thấu, xã Tân Thanh, huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn)*, Luận văn thạc sĩ Dân tộc học, Đại học khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội.
7. Đặng Thị Hoa (2016), “Một số vấn đề về hôn nhân xuyên biên giới với phát triển xã hội ở Việt Nam hiện nay”, *Tạp chí Thông tin Khoa học xã hội*, số 10, tr. 18-25.
8. Hoàng Phương Mai (Chủ nhiệm, 2022), *Gia đình người Hà Nhì và người Giáy ở vùng biên giới huyện Bát Xát, tỉnh Lào Cai hiện nay*, Báo cáo tổng hợp kết quả Đề tài cấp Bộ, Viện Dân tộc học, Hà Nội.
9. Xuân Minh (2023), *Tuần tra liên hợp trên khu vực biên giới tỉnh Hà Giang*, trên trang <https://www.bienphong.com.vn/tuan-tra-lien-hop-tren-khu-vuc-bien-gioi-tinh-ha-giang-post460793.html> (Truy cập ngày 5/5/2023).
10. Lê Thị Mùi, Nguyễn Thị Thanh Bình (2022), “Đôi nét về sự đa dạng sinh kế của một số tộc người ở khu vực biên giới tỉnh Hà Giang”, *Tạp chí Dân tộc học*, Số 2, tr. 35-47.
11. Đậu Tuấn Nam (Chủ nhiệm, 2017), *Nghiên cứu mối quan hệ tộc người ở vùng biên giới với Trung Quốc góp phần ổn định xã hội và đảm bảo quốc phòng, an ninh vùng Tây Bắc*, Báo cáo tổng hợp kết quả nghiên cứu đề tài cấp Nhà nước, mã số KHCN-TB. 11X/13-18, Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh, Hà Nội.

12. Thanh Nga, Quỳnh Trang (2023), *Lào Cai bắt giữ thành công 5 đối tượng vận chuyển ma túy xuyên quốc gia*, trên trang <https://laocai.gov.vn/tin-trong-tinh/lao-cai-bat-giu-thanh-cong-5-doi-tuong-van-chuyen-ma-tuy-xuyen-quoc-gia-1180404> (Truy cập ngày 15/5/2023).

13. Lý Hành Sơn, Lê Minh Anh (2020), “Mạng lưới xã hội trong trồng trọt và chăn nuôi của người Lô Lô tỉnh Cao Bằng”, *Tạp chí Khoa học xã hội Việt Nam*, số 10, tr. 57-67.

14. Lý Hành Sơn, Trần Thị Mai Lan (Đồng chủ biên, 2017), *Quan hệ dân tộc xuyên quốc gia ở Việt Nam (Nghiên cứu tại vùng miền núi phía Bắc)*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.

15. Tạ Thị Tâm (2020), *Chợ vùng biên và những năng động kinh tế - xã hội ở vùng biên giới Việt - Trung từ 1990 đến nay*, Luận án tiến sĩ Nhân học, Thư viện Viện Dân tộc học, Hà Nội.

16. Vương Xuân Tình (Chủ nhiệm, 2011), *Một số vấn đề cơ bản về dân tộc dưới tác động của sự phát triển vùng biên giới Việt - Trung (Nghiên cứu về người Hà Nhì ở một làng của tỉnh Lào Cai và một làng thuộc châu Hồng Hà, tỉnh Vân Nam, Trung Quốc)*, Báo cáo tổng hợp kết quả Đề tài cấp Bộ, Viện Dân tộc học, Hà Nội.

17. Vương Xuân Tình, Vũ Đình Mười (Đồng chủ biên, 2016), *Quan hệ dân tộc xuyên quốc gia ở Việt Nam (Nghiên cứu tại vùng Nam Bộ)*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.

18. Hà Đình Thành, Hà Thu Thủy (2018), “Một số vấn đề tôn giáo ở vùng biên giới Việt Nam - Trung Quốc”, trong Viện Dân tộc học (2018), *Một số vấn đề dân tộc, tộc người ở vùng biên giới và liên xuyên biên giới nước ta hiện nay (Kỷ yếu Hội nghị khoa học quốc gia năm 2017)*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, tr. 913-915.

19. Nguyễn Công Thảo (Chủ nhiệm, 2022), *Các dòng chảy lâm sản của một số tộc người ở vùng biên giới huyện Mường Khương, tỉnh Lào Cai*, Báo cáo tổng hợp kết quả đề tài khoa học cấp Bộ, Thư viện Viện Dân tộc học, Hà Nội.

20. Duy Tuấn (2018), *Phú Lũng - xã biên giới đầu tiên cán đích Nông thôn mới*, Báo Hà Giang, ngày 8/11/2018, trên trang <http://baohagiang.vn/kinh-te/201708/phu-lung-xa-bien-gioi-dau-tien-can-dich-nong-thon-moi-709252/> (Truy cập ngày 15/4/2023).

21. Đỗ Ngọc Tuấn (2018), *Bộ đội Biên phòng tỉnh Lào Cai thực hiện tốt công tác đối ngoại*, trên trang <http://tapchiquptd.vn/vi/bao-ve-to-quoc/bo-doi-bien-phong-tinh-lao-cai-thuc-hien-tot-cong-tac-doi-ngoai/12196.html> (Truy cập ngày 5/5/2023).